

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST

Ngày 16-02-2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải;

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 297/2022/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị A, sinh năm 1989; ĐKKHKT: Thôn B, xã C, huyện D, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Vương quốc Anh ;

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn E, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 17/10/2022 và bản tự khai, nguyên đơn chị Đặng Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn E kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, thành phố Hải Phòng vào ngày 17/01/2013. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên hòa giải nhưng tình cảm không cải thiện được. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Bùi Tuyết G, sinh ngày 22/6/2013 và cháu Bùi Thị Diệu H, sinh ngày 11/01/2016, ly hôn chị A đề nghị

được nuôi cả hai con. Việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai của anh Bùi Văn E thể hiện:

Anh xác nhận quan hệ hôn nhân như lời trình bày của chị A. Anh đồng ý yêu cầu xin ly hôn của chị A. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Bùi Tuyết G, sinh ngày 22/6/2013 và cháu Bùi Thị Diệu H, sinh ngày 11/01/2016, ly hôn anh đồng ý để chị A nuôi cả hai con. Việc cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị Đặng Thị A và anh Bùi Văn E đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Đặng Thị A có Đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, con chung với anh Bùi Văn E. Chị Đặng Thị A hiện đang sống tại Vương quốc Anh và có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Hải Phòng. Anh Bùi Văn E có nơi cư trú tại Hải Phòng. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Đặng Thị A và anh Bùi Văn E vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị A, anh E.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh E kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, thành phố Hải Phòng vào ngày 17/01/2013. Theo quy định tại các điều 9, 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 **là quan hệ hôn nhân hợp pháp**. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên hòa giải nhưng tình cảm không cải thiện được. Nay cả chị A và anh E đều thống nhất ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, chị A và anh E hiện mỗi người một nơi, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Bùi Tuyết G, sinh ngày 22/6/2013 và cháu Bùi Thị Diệu H, sinh ngày 11/01/2016, ly hôn chị A đề nghị được nuôi cả hai con, anh E đồng ý. Bản thân các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. **Để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con chung, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.**

[5] Việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đặng Thị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị A và anh Bùi Văn E được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị A được ly hôn với anh Bùi Văn E.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Bùi Tuyết G, sinh ngày 22/6/2013 và cháu Bùi Thị Diệu H, sinh ngày 11/01/2016 cho chị Đặng Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Đặng Thị A và anh Bùi Văn E không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đặng Thị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000942 ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Đặng Thị A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Đặng Thị A và anh Bùi Văn E được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Hải Vũ Thị Minh Nguyệt

Bùi Thị Thúy Hà

Nơi nhận:

- VKSND TP.Hải Phòng;
- Cục THADS TP.Hải Phòng;
- UBND xã C, huyện D, TP Hải Phòng;
- Dương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Thúy Hà